

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2021.

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Đình Ca

2. Bà Phan Thị Thiện

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:*  
Không

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị Bé N, sinh năm 1994.

Trú tại: Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (*Có đơn xin vắng mặt*).

*Bị đơn:* Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Sơn Thị Bé N trình bày:*

Tôi và ông Lê Anh Đ là người thân quen, sau đó nảy sinh tình cảm và có thời gian tìm hiểu nhau yêu thương và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2020 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ ông Lê Anh Đ ở thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 7/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ ngoại tình với người khác (không rõ tên), không

chăm lo cho gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tôi phải bế con nhỏ về nhà bố mẹ tôi ở Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và chúng tôi sống ly thân từ đó cho tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với ông Lê Anh Đ nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Anh Đ.

Về con chung: Tôi và ông Lê Anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Mẫn Đ, sinh ngày 27/5/2019 hiện nay đang ở với tôi. Nguyên vọng của tôi là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đình đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Lê Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Tôi và ông Lê Anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Lê Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng có tình vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được giữa nguyên đơn và bị đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà Sơn Thị Bé N và ông Lê Anh Đ.

[3] Về nội dung:

Bà Sơn Thị Bé N và ông Lê Anh Đ là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/5/2020 là đúng thực tế. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc với nhau tại nhà bố mẹ ông Lê Anh Đ tại thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Lê Anh Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, bà N đã bế con về nhà bố mẹ để ở và đã sống ly thân với ông Đ từ tháng 7/2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Anh Đ có tình vắng

mặt nên không thể hòa giải đoàn tụ.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Sơn Thị Bé N.

- Về con chung: Bà Sơn Thị Bé N và ông Lê Anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Mẫn Đ, sinh ngày 27/5/2019, nguyện vọng của bà N là sau khi ly hôn muốn được nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Lê Mẫn Đ chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật phải giao cho bà Sơn Thị Bé N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà Sơn Thị Bé N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Sơn Thị Bé N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Bé N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Sơn Thị Bé N được ly hôn ông Lê Anh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Mẫn Đ, sinh ngày 27/5/2019 cho bà Sơn Thị Bé N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Ông Lê Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sơn Thị Bé N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị Bé N và ông Lê Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Sơn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ

thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền số: AA/2021/0017529 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã A
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**